|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **BẮC NINH**  **¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **CHUYÊN ĐỀ ÔN TẬP**  **KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023**  **Môn: Địa lí**  **¯¯¯¯¯¯¯¯** |

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TRẢ LỜI CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM LÍ THUYẾT**

**Người biên soạn: Vũ Thị Chi – THPT Gia Bình số 1**

**Nguyễn Thị Hằng – THPT Lê Văn Thịnh**

*- Căn cứ đề minh họa môn Địa lí của Bộ năm 2023, câu hỏi trắc nghiệm lí thuyết gồm 21 câu được phân bố ở 4 mức độ khác nhau trong đó:*

*+ Mức độ nhận biết: 5 câu.*

*+ Mức độ thông hiểu: 8 câu.*

*+ Mức độ vận dụng: 5 câu.*

*+ Mức độ vận dụng cao: 3 câu.*

*- Mục đích nhằm giúp cho HS:*

*+ Hiểu biết hơn về các dạng câu hỏi thường dùng trong đề thi môn Địa lí, từ đó giúp các em làm các câu hỏi trắc nghiệm bám sát câu đề minh họa năm 2023.*

*+ Hệ thống hóa và nắm chắc hơn kiến thức cơ bản đáp ứng thi tốt nghiệp năm học 2022- 2023.*

**I. TỪ KHÓA DẠNG CÂU NHẬN BIẾT- THÔNG HIỂU**

***1. Trường hợp có từ khóa nhận dạng***

- Từ khóa phi lí (mẹo): ***rất, đều, đồng đều, hoàn toàn, không thay đổi, luôn, ít biến động, chỉ có, hầu hết…..***

- Đề minh họa 2023 có dấu hiệu ở các câu: 49, 63, 65, 69, 70.

- Giúp học sinh có thể loại trừ những đáp án phi lí, thu hẹp đáp án nhiễu. Mức điểm thường sẽ đạt ***được 0,25 điểm đến 0,75 đểm***.

**CÂU 49: (Đề MH- 2023)** Công nghiệp của nước ta hiện nay

**A. chỉ** có ở ven biển. **B.** phân bố nhiều nơi.

**C.** tập trung ở núi cao. **D.** ít loại sản phẩm.

**CÂU 63: (ĐỀ MH- 2023).** Sản xuất cây hàng năm ở nước ta hiện nay

**A.** được thúc đẩy theo hướng hàng hóa. **B. chỉ** dùng làm thức ăn để chăn nuôi.

**C.** tập trung phần lớn ở khu vực đồi núi. **D.** **hoàn toàn** tập trung cho cây lúa gạo.

**CÂU 65: (ĐỀ MH- 2023)** Hướng chuyển dịch công nghiệp chế biến của nước ta hiện nay là

**A. hoàn toàn** dành cho việc xuất khẩu. **B.** tăng tỉ trọng sản phẩm có giá trị cao.

**C.** phân bố **rất đồng đều** giữa các vùng. **D. giảm tối đa** sở hữu ngoài Nhà nước.

**CÂU 66: (ĐỀ MH- 2023)** Lao động trong nông nghiệp ở nước ta hiện nay

**A.** tập trung nhiều nhất ở vùng núi. **B.** hầu hết **đều** gia nhập hợp tác xã.

**C.** trình độ đang dần được nâng lên. **D.** phần lớn làm ở ngành chăn nuôi.

**CÂU 69: (Đề MH- 2023)** Các thành phố nước ta hiện nay

**A.** phân bố **đều** trong cả nước. **B.** **rất** hiện đại về cơ sở hạ tầng.

**C.** **chỉ có** lao động công nghiệp. **D.** có ngành dịch vụ phát triển.

**CÂU 70: (Đề MH- 2023)** Mạng lưới đường ống của nước ta

**A. chỉ** phân bố tập trung ở ven biển. **B.** đã hội nhập vào tuyến xuyên Á.

**C.** đi qua hầu hết trung tâm kinh tế. **D.** phát triển gắn với ngành dầu khí.

**CÂU 46: (Mã đề 323- 2022)** Công nghiệp nước ta hiện nay

**A. chỉ** xuất khẩu. **B.** phân bố **đồng đều**. **C. rất** hiện đại. **D.** có nhiều ngành.

**CÂU 63: (Mã đề 323-2022)** Các đảo ven bờ nước ta

**A.** tập trung phát triển khai khoáng. **B.** có nhiều thuận lợi nuôi trồng thủy sản.

**C.** có khả năng nuôi trồng thủy sản. **D. đều có** khu bảo tồn thiên nhiên.

**CÂU 64: (Mã đề 323 -2022)** Đô thị hiện nay

**A.** **hầu hết** tập trung ở **đồi núi** . **B.** có nhiều lao động kĩ thuật.

**C.** có mật độ dân số thưa thớt. **D. hoàn toàn** thuộc quy mô lớn.

**CÂU 69: (Mã đề 323 -2022)** Sản xuất lúa gạo ở nước ta hiện nay

**A.** **chỉ tập trung** ở khu vực đồng bằng. **B.** phát triền theo xu hướng hàng hóa.

**C.** **chỉ phục vụ** nhu càu trong nước. **D. hoàn toàn** theo hình thức gia đình.

**CÂU 66: (Mã đề 303 -2021)** Các đô thị nước ta hiện nay

**A.** là thị trường tiêu thụ hàng hóa rộng. **B.** **đều** là các trung tâm du lịch khá lớn.

**C.** có số dân nhỏ và mật độ dân cư thấp. **D. chỉ duy nhất** phát triển công nghiệp.

**CÂU 69: (Mã đề 302 -2021)** Chăn nuôi của nước ta hiện nay

**A.** **chỉ** cung cấp mặt hàng xuất khẩu. **B.** **ít** chịu ảnh hưởng của dịch bệnh.

**C.** đã tạo ra được sản phẩm hàng hóa. **D. chỉ** tập trung ở đồng bằng.

**CÂU 69: (Mã đề 303 -2021)** Nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay

**A.** **chỉ tập trung** nuôi tôm xuất khẩu. **B.** áp dụng **rất ít** những kĩ thuật mới.

**C.** phát triển nhiều nơi ở vùng biển. **D. hoàn toàn** nuôi ở các hộ gia đình.

***2. Trường hợp không có từ khóa nhận dạng***

**2.1. Tìm từ khóa của câu hỏi và tư duy thực tế**

**Câu 44:** **(ĐỀ MH- 2023)** Than đá là sản phẩm của ngành công nghiệp

**A.** hóa chất. **B.** cơ khí. **C.** năng lượng. **D.** luyện kim.

**Câu 60:** **(ĐỀ MH)** Biện pháp bảo vệ đất trồng ở miền núi nước ta là

**A.** tăng du canh. **B.** xây hồ thủy điện. **C.** khai thác rừng. **D.** chống xói mòn.

**CÂU 61:** **(ĐỀ MH)** Vào mùa mưa bão ở khu vực đồng bằng nước ta thường xảy ra

**A.** lũ quét. **B.** cháy rừng. **C.** hạn mặn **D.** ngập lụt.

**Câu 66: (ĐỀ MH- 2023)** Lao động trong nông nghiệp ở nước ta hiện nay

**A.** tập trung nhiều nhất ở vùng núi. **B.** hầu hết đều gia nhập hợp tác xã.

**C.** trình độ đang dần được nâng lên. **D.** phần lớn làm ở ngành chăn nuôi.

**Câu 64: (ĐỀ MH- 2023).** Thuận lợi chủ yếu về tự nhiên của nước ta để phát triển khai thác hải sản là

**A.** diện tích rừng ngập mặn rộng lớn. **B.** có các cửa sông rộng dọc bờ biển.

**C.** biển có nhiều tài nguyên sinh vật. **D.** có nơi trú ẩn tàu cá ở ven các đảo.

**CÂU 67:** **(Mã đề 323- 2022)** Lao động nước ta hiện nay

**A.** làm nhiều nghề, số lượng nhỏ. **B.** tập trung chủ yếu ở thành thị.

**C.** có tác phong công nghiệp cao. **D.** có số lượng đông và tăng nhanh.

**CÂU 63: ( Mã đề 304- 2021)** Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của nước ta hiện nay

**A.** có tỉ trọng lớn nhất là ở kinh tế Nhà nước. **B.** không thay đổi tỉ trọng ở các thành phần.

**C.** tăng rất nhanh tỉ trọng ở kinh tế Nhà nước. **D.** có sự chuyển dịch ở tất cả các thành phần.

**2.2 Câu hỏi liên quan đến kiến thức cơ bản SGK**

- Dạng câu này GV cần hướng dẫn học sinh nhớ lại kiến thức cơ bản bằng cách liệt kê, trình bày theo sơ đồ tư duy.

- Kết hợp khai thác Átlat để khắc sâu kiến thức, nâng cao kĩ năng dùng Átlat.

**Câu 50: (ĐỀ MH)** Cây công nghiệp hàng năm được phát triển ở Đông Nam Bộ là

**A.** đậu tương. **B.** đay. **C.** lúa gạo. **D.** cói.

**Câu** **67. (Đề MH)** Các quần đảo của nước ta

**A.** đều có các loại khoáng sản quý.  **B**. có tiềm năng khai thác thủy sản.

**C.** có dân cư tập trung rất đông đúc.  **D.** phát triển mạnh nghề làm muối.

**CÂU** **68: (Đề MH)** Vị trí nước ta ở

**A.** phía bắc chí tuyến bán cầu Bắc. **B.** phía tây bán đảo Đông Dương

**C.** phía đông của Thái Bình Dương. **D**. trong khu vực gió mùa châu Á.

**II – MẸO TỪ KHÓA PHẦN CÂU HỎI VẬN DỤNG**

***1. Trường hợp có từ khóa nhận dạng***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TỪ KHÓA CÂU HỎI** | **TỪ KHÓA ĐÁP ÁN** |
| **1** | Công nghiệp chế biến | * Nâng cao giá trị * Sản xuất hàng hóa |
| **2** | Nâng cao giá trị sản phẩm | * Đẩy mạnh chế biến |
| **3** | Sản xuất hàng hóa | * Đẩy mạnh chế biến * Mở rộng thị trường |
| **4** | Vùng chuyên canh (nông nghiệp)  Khu kinh tế, KCN (công nghiệp) | * Quy mô diện tích * Sản xuất hàng hóa * Mở rộng thị trường |
| **5** | Nguyên nhân xuất khẩu/ngoại thương | * Mở rộng thị trường * Hội nhập quốc tế * Chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế. |
| **6** | Nguyên nhân nhập khẩu/nội thương | * Sản xuất trong nước (công nghiệp hóa) * Nhu cầu tiêu dùng (chất lượng cuộc sống, thu nhập..) * Đáp ứng yêu cầu xuất khẩu |
| **7** | Ứng phó … ở đồng bằng sông Cửu Long | Chuyển đổi cơ cấu, thay đổi cơ cấu mùa vụ, thay đổi cơ cấu sản xuất, phát triển thủy lợi, sử dựng hợp lí cải tạo tự nhiên….. |
| **8** | Các câu hỏi ý nghĩa, mục đích | Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (phát triển kinh tế) |

**MẪU 1: từ khóa có từ “Công nghiệp chế biến”**

**Câu 1.** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

**A**. chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, tạo tập quán sản xuất mới.

**B**. nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm, đáp ứng thị trường.

**C**. vận chuyển sản phẩm dễ dàng, bảo quản sản phẩm tốt hơn.

**D**. khai thác hợp lí tài nguyên, hình thành vùng chuyên canh.

**Câu 2.** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

**A.** thu hút vốn đầu tư, khai thác hiệu quả các loại nguồn lực.

**B.** tạo việc làm, thu hút nhiều lao động từ các vùng khác tới.

**C**. bảo quản tốt nông sản, đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu.

**D**. phát triển sản xuất hàng hoá, ổn định vùng chuyên canh.

**MẪU 2: Từ khóa có từ “nâng cao giá trị sản phẩm”**

**Câu 1.** Biện pháp chủ yếu nâng cao giá trị sản phẩm cây cao su ở Tây Nguyên là

**A.** mở rộng thị trường, phát triển các trang trại.

**B.** tăng cường chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.

**C.** sản xuất tập trung, sử dụng nhiều giống tốt.

**D.** sử dụng nhiều lao động, mở rộng diện tích.

**Câu 2.** Biện pháp chủ yếu nâng cao giá trị thủy sản nuôi trồng nước lợ hiện nay ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** mở rộng đối tượng nuôi, đẩy mạnh đầu tư.

**B.** ứng dụng tiến bộ kĩ thuật, tăng thâm canh.

**C.** sử dụng các giống mới, mở rộng diện tích.

**D.** tăng cường chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.

**MẪU 3: Từ khóa có từ “sản xuất hàng hóa”**

**Câu 1.** Giải pháp chủ yếu phát triển cây công nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** mở rộng vùng chuyên canh, tăng năng suất, sử dụng nhiều máy móc.

**B.** tăng diện tích, sử dụng tiến bộ kĩ thuật, gắn với chế biến và dịch vụ.

**C.** đẩy mạnh chuyên môn hóa, tăng sản lượng, ứng dụng kĩ thuật mới.

**D.** tăng sự liên kết, phát triển thị trường, đẩy mạnh sản xuất thâm canh.

**Câu 2.** Giải pháp chủ yếu phát triển cây dược liệu theo hướng sản xuất hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A**. lập vùng chuyên canh, tăng năng suất, tạo thương hiệu sản phẩm.

**B**. sử dụng kĩ thuật mới, tăng diện tích, đẩy mạnh tiếp thị sản phẩm.

**C**. sản xuất tập trung, đẩy mạnh việc chế biến, phát triển thị trường.

**D**. gắn trồng trọt và chế biến, đa dạng sản phẩm, nâng cao sản lượng.

**Câu 3.** Giải pháp chủ yếu phát triển cây công nghiệp hàng năm theo hướng hàng hóa ở Bắc Trung Bộ là

**A**. tăng năng suất, hình thành vùng chuyên canh, sử dụng giống mới.

**B**. gắn trồng trọt và chế biến, nâng cao sản lượng, đa dạng sản phẩm.

**C**. sử dụng tiến bộ kĩ thuật, tăng diện tích, sản xuất chuyên môn hóa.

**D**. sản xuất tập trung, phát triển thị trường, tăng cường việc chế biến.

**MẪU 4: Từ khóa có từ “vùng chuyên canh”, “khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp”**

**Câu 1:** Ý nghĩa chủ yếu của việc sản xuất cây công nghiệp theo vùng chuyên canh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A**. gắn với công nghiệp, sử dụng tốt hơn lao động, tăng hiệu quả kinh tế.

**B**. phân bố lại sản xuất, tạo ra việc làm, đa dạng hóa kinh tế nông thôn.

**C**. tăng nông sản, nâng cao vị thế của vùng, thay đổi cách thức sản xuất.

**D**. tăng xuất khẩu, phát huy thế mạnh, phát triển nông nghiệp hàng hóa.

**Câu 2:** Việc phát triển vùng chuyên canh nông nghiệp ở Tây Nguyên nhằm mục đích chủ yếu là

**A.** tạo nhiều nông sản, tăng vị thế của vùng.

**B.** tạo phương thức sản xuất mới, bảo vệ đất.

**C.** phát triển chế biến, phát huy các thế mạnh.

**D.** tăng hàng hóa, phát triển nguồn thu nhập.

**Câu 3:** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là

**A**. đổi mới trồng trọt, tăng hiệu quả kinh tế, thay đổi bộ mặt nông thôn.

**B**. thay đổi cách thức sản xuất, tạo ra việc làm, nâng cao vị thế của vùng.

**C**. phân bố lại sản xuất, tạo nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nông sản.

**D**. phát huy thế mạnh, phát triển sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp.

**Câu 75: (ĐỀ MH- 2023)** Ý nghĩa chủ yếu của khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tạo ra nhiều việc làm, phát huy thế mạnh.

**B.** thay đổi việc sản xuất, đa dạng sản phẩm.

**C.** tạo nhiều hàng hóa, thu hút nguồn đầu tư.

**D.** mở rộng phân bố, tăng sự liên kết kinh tế.

**Câu 1:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các khu kinh tế ven biển ở Bắc Trung Bộ là

**A**. phát triển cơ cấu lãnh thổ, phân bố lại lao động, thay đổi bộ mặt vùng.

**B**. phát triển sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh việc xuất khẩu, thu hút đầu tư.

**C**. phát triển công nghiệp, thay đổi phân bố sản xuất, tạo nhiều việc làm.

**D**. làm chuyển dịch cơ cấu sản xuất, đa dạng sản phẩm, hình thành đô thị mới.

**Câu 2: (Sở VP-TL2-2023)** Mục đích chủ yếu của việc phát triển các khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** đổi mới vùng nông thôn ven biển, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.

**B.** đào tạo kĩ thuật cho lực lượng lao động, tạo ra nhiều việc làm mới.

**C.** sản xuất các sản phẩm phục vụ xuất khẩu, nâng cao vị thế của vùng.

**D.** thu hút đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy sản xuất công nghiệp.

**MẪU 5: Từ khóa có từ “xuất khẩu/ngoại thương”**

**CÂU72: (Đề MH- 2023).** Kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến của nước ta hiện nay tăng chủ yếu do

**A.** hội nhập quốc tế rộng, cơ cấu đa dạng.

**B.** thúc đẩy sản xuất, hàng hóa phong phú.

**C.** nhiều khu công nghiệp, đổi mới kĩ thuật.

**D.** kinh tế phát triển, có đầu tư nước ngoài.

**Câu 1:** Gần đây nước ta liên tục xuất siêu chủ yếu do

**A**. thu hút đầu tư nước ngoài, hàng xuất khẩu đa dạng.

**B**. môi trường đầu tư thuận lợi, tỉ lệ hàng xuất khẩu tăng.

**C**. năng lực sản xuất tăng, đẩy mạnh việc hội nhập kinh tế.

**D.** việc hội nhập kinh tế, giao thông đường biển phát triển.

**Câu 2:** Thị trường xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

**A.** nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào.

**B.** tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lí.

**C.** sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.

**D.** giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia.

**Câu 3: ( Sở TH- TL2-2023)** Nhân tố nào sau đây có vai trò chủ yếu giúp ngoại thương nước ta phát triển mạnh trong thời

gian qua?

**A**. Đa dạng hóa thị trường, tăng cường sự quản lý của Nhà nước.

**B**. Tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.

**C**. Khai thác hiệu quả tài nguyên, nâng cao chất lượng sản phẩm.

**D**. Nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.

**MẪU 6: Từ khóa có từ “nhập khẩu/nội thương”**

**Câu 1:** Các mặt hàng nhập khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

**A.** đô thị hóa phát triển, hội nhập toàn cầu rộng.

**B.** liên doanh với các nước, thị trường mở rộng.

**C.** các ngành sản xuất phát triển, mức sống tăng.

**D.** hiện đại hóa, công nghiệp hóa được thúc đẩy.

**Câu 2.** Hoạt động nội thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

**A.** các đô thị mở rộng, hội nhập quốc tế sâu.

**B.** dân số tăng nhiều, phân bố được mở rộng.

**C.** sản xuất phát triển, chất lượng sống tăng.

**D.** nông thôn đổi mới, đời sống nhiều tiến bộ.

**Câu 3.** Nước ta hiện nay có thị trường nhập khẩu mở rộng là do

**A.** hội nhập thế giới rộng, nhiều dịch vụ đổi mới.

**B.** sản xuất phát triển, quan hệ với nhiều nước.

**C.** toàn cầu hóa, quan hệ với các nước phát triển.

**D.** chính trị ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch.

**MẪU 7: Từ khóa có từ “ứng phó” ở ĐBSCL**

**Câu 1:** Biện pháp chủ yếu ứng phó với thiên tai trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** thay đổi cơ cấu sản xuất, phát triển thủy lợi.

**B.** sử dụng đất hợp lí, phát triển nuôi thủy sản.

**C.** phân bố lại sản xuất, tăng cường chăn nuôi.

**D.** thúc đẩy việc quy hoạch, giảm diện tích lúa.

**Câu 2 :** Biện pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** thay đổi cơ cấu sản xuất, sử dụng đất hợp lí.

**B.** hoàn thiện quy hoạch, tăng cường thủy lợi.

**C.** phân bố lại sản xuất, phát triển cây ăn quả.

**D.** phát triển nuôi thủy sản, giảm diện tích lúa.

**Câu 3:** Biện pháp chủ yếu ứng phó với nước biển dâng trong nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long là

**A**. phát triển thủy lợi, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

**B**. thay đổi cơ cấu sản xuất, sử dụng đất hợp lý.

**C**. thay đổi mùa vụ, tăng cường nuôi thủy sản.

**D**. đa dạng hóa sản xuất, phát triển cây ăn quả.

**Câu 4:** Giải pháp chủ yếu trong ngành trồng trọt để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A**. đẩy mạnh công tác thủy lợi, cải tạo, bảo vệ tài nguyên đất.

**B**. chuyển đổi cơ cấu cây trồng, bố trí mùa vụ sản xuất hợp lí.

**C**. quy hoạch vùng sản xuất, xây dựng các công trình đê biển.

**D**. cải tạo đất nhiễm phèn, mặn, phát triển kinh tế liên hoàn.

**Câu 5: (Sở NA- 2023)** Giải pháp chủ yếu trong ngành trồng trọt để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

**A**. đẩy mạnh thâm canh, áp dụng công nghệ trồng mới, trồng rừng ngập mặn.

**B.** xây dựng công trình thủy lợi, chú trọng cải tạo đất, tăng cường thâm canh.

**C.** chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lí, đa dạng hóa cây trồng.

**D.** phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, tập trung sản xuất lúa.

**MẪU 8: các câu hỏi về “ý nghĩa/mục đích”**

**Câu 1:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

**A**. mở rộng sản xuất, nâng cao mức sống, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**B**. thay đổi cơ cấu kinh tế, phát huy thế mạnh, tạo nông sản xuất khẩu.

**C**. tạo sản phẩm hàng hóa, đa dạng sản xuất, nâng cao vị thế của vùng.

**D**. thu hút nguồn đầu tư, mở rộng phân bố sản xuất, tạo nhiều việc làm.

**Câu 2**. Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A**. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**B**. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.

**C**. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.

**D**. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.

**Câu 3.** Mục đích chủ yếu của việc phát triển các sân bay ở Duyên hải Nam Trung

Bộ là

**A.** tăng năng lực giao thông, thúc đẩy hiện đại hóa.

**B.** thúc đẩy hoạt động giao lưu, phát triển kinh tế.

**C.** đẩy mạnh hoạt động du lịch, nâng vị thế vùng.

**D.** đáp ứng nhu cầu dân cư, tăng hội nhập quốc tế.

**Câu 4:** Mục đích chủ yếu của việc nâng cấp các cảng biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** gắn với khu kinh tế, cơ sở hình thành đô thị.

**B.** tăng năng lực vận tải, đẩy mạnh xuất khẩu.

**C.** mở lối ra biển cho các nước, tăng giao lưu.

**D.** tạo thế mở cửa cho vùng, phát triển kinh tế.

**Câu 5:** Mục đích chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là

**A**. phát huy tiềm năng có sẵn, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

**B**. đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, môi trường.

**C**. đẩy nhanh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, giải quyết tốt vấn đề việc làm.

**D.** đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, giải quyết vấn đề về tài nguyên, môi trường.

**Câu 6:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất nông sản xuất khẩu ở nước ta hiện nay là

**A**. tăng hiệu quả kinh tế, sử dụng tốt tài nguyên.

**B.** đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng nguồn thu.

**C.** đẩy mạnh sản xuất, áp dụng công nghệ mới.

**D.** tạo việc làm, sử dụng hợp lí nguồn lao động.

**Câu 7:** Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** tạo nhiều nông sản, phát huy các thế mạnh.

**B.** tăng sản phẩm hàng hóa, đa dạng sản xuất.

**C.** sử dụng hợp lí tự nhiên, phát triển kinh tế.

**D.** cải tạo đất, đẩy mạnh hoạt động trồng trọt.

**Câu 8:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển du lịch biển - đảo ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A**. thay đổi cơ cấu sản xuất, thu hút nguồn đầu tư, nâng cao vai trò vùng.

**B**. phát huy thế mạnh, nâng cao mức sống, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế.

**C**. mở rộng sản xuất hàng hóa, tạo sản phẩm đa dạng, phân bố lại dân cư.

**D.** tạo ra các việc làm, sử dụng hợp lí các tài nguyên, đẩy mạnh sản xuất.

***2. Trường hợp không có từ khóa nhận dạng***

**2.1. Với các câu hỏi về tự nhiên: tìm đáp án tổng thể có sức bao chứa các đáp án khác.**

Ví dụ:

- Đáp án có chữ là “Gió mùa” thì sẽ rộng hơn các đáp án chỉ có ý “gió mùa ĐB”, “gió mùa Tây Nam”.

- Đáp án có chữ là “địa hình” sẽ rộng hơn các đáp án có chữ “độ cao địa hình”, “hướng nghiêng địa hình”, “địa hình đồi núi”….

**Câu 1.** Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có khí hậu khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do tác động của

**A**. vị trí ở nội chí tuyến, địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc và gió Tây.

**B**. gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc, vị trí gần chí tuyến, địa hình núi.

**C**. địa hình có núi cao, vị trí ở khu vực gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc.

**D**. núi cao, gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới, vị trí ở xa xích đạo.

**Câu 2:** Phần lãnh thổ phía Nam nước ta có khí hậu khác với phần lãnh thổ phía Bắc chủ yếu do tác động của

**A**. địa hình có núi cao, vị trí ở khu vực gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc.

**B**. Tín phong bán cầu Bắc và gió mùa, địa hình, vị trí nằm gần xích đạo.

**C**. vị trí ở nội chí tuyến, địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc và gió Tây.

**D**. gió mùa Tây Nam và áp thấp nhiệt đới, vị trí ở gần xích đạo, địa hình.

**Câu 3:** Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có khí hậu khác với phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do tác động của

**A**. gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới, vị trí ở xa xích đạo, núi cao.

**B**. địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc và gió Tây, vị trí ở nội chí tuyến.

**C**. vị trí gần chí tuyến, gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc, địa hình núi.

**D**. Tín phong bán cầu Bắc, vị trí ở khu vực gió mùa, địa hình có núi cao.

**Câu 4:** Các vùng trên lãnh thổ nước ta khác nhau về chế độ mưa chủ yếu do tác động của

**A.** gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí và địa hình núi.

**B**. gió tây nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.

**C**. Tín phong bán cầu Bắc, hoạt động của gió mùa, vị trí địa lí và địa hình.

**D**. gió mùa Tây Nam, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến và vị trí địa lí.

**Câu 5:** Địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc khác với vùng núi Trường Sơn Nam chủ yếu do tác động của

**A.** Hoạt động nội lực, các quá trình ngoại lực mỗi vùng khác nhau.

**B.** Vận động tạo núi, quá trình phong hóa các giai đoạn khác nhau.

**C.** Vận động kiến tạo nâng lên và hạ xuống khác nhau ở mỗi nơi.

**D.** Quá trình phong hóa, bóc mòn và bồi tụ mỗi thời kì khác nhau.

**2.2. Với các câu hỏi “nguyên nhân”, “giải pháp”**

**Dựa vào kiến thức nền của SGK để suy luận hoặc dùng biện pháp phân tích để loại bớt 2 đáp án gây nhiễu còn 2 đáp án gây phân vân phân tích bằng cách tách từng vế trong các đáp án để đem lên bàn cân xem ý nào nặng hơn ý nào nhẹ hơn từ đó đưa ra quyết định chọn lựa đáp án hợp lý.**

**Câu 1:** Biện pháp chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

**A**. bảo đảm nguyên liệu, nâng cấp cơ sở hạ tầng.

**B.** tăng nguồn lao động, hình thành khu chế xuất.

**C.** thúc đẩy công nghiệp hóa, mở rộng thị trường.

**D.** sử dụng công nghệ mới, tăng thiết bị hiện đại.

**Câu 2:** Giải pháp chủ yếu của phát triển khu công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

**A**. thay đổi cơ cấu kinh tế, đảm bảo nguyên liệu, gia tăng chế biến.

**B**. đào tạo lao động, thu hút đầu tư, trang bị cơ sở vật chất kĩ thuật.

**C**. hình thành các trung tâm, tạo sản phẩm mới, mở rộng cảng biển.

**D.** hoàn thiện cơ sở hạ tầng, mở rộng thị trường, tăng khai khoáng.

**Câu 3:** Hiện tượng xâm nhập mặn hiện nay diễn ra ngày càng trầm trọng ở đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do

**A.** nước biển dâng, nhiều cửa sông đổ ra biển, không có hệ thống đê ngăn mặn.

**B.** mùa khô sâu sắc, tác động mạnh của thủy triều, phát triển nuôi trồng thủy sản.

**C.** địa hình đồng bằng thấp, mạng lưới sông ngòi chằng chịt, mùa lũ đến muộn.

**D.** biến đổi khí hậu, phát triển thủy điện ở thượng lưu, rừng ngập mặn suy giảm.

**Câu 4 (Câu 71- mã 301 thi năm 2021 – 2022) :** Các nhân tố tự nhiên chủ yếu tác động đến thay đổi phân bố cây trồng hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** ít phù sa bồi đắp, bồ sông sạt lở, lũ thất thường.

**B.** mùa khô rõ rệt, hạn mặn nhiều, đất phèn rộng.

**C.** hạn hán, thiếu nước ngọt, xâm nhập mặn rộng.

**D.** bề mặt sụt lún, nước biển dâng, sạt lở bờ biển.